

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Địa chỉ trụ sở chính: 363 Hưng Phú - Phường 9 - Quận 8 – TPHCM
4. Điện thoại: 08.39540600 – 08.39540601 Fax: 08.39540598
5. Người được UQ CBTT: Phan Thị Nam Phương
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất số 390/2019/BCKT-AAC phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2019 thay thế cho báo cáo tài chính số 092/2019/BCKT-AAC phát hành ngày 21/2/2019. Báo cáo tài chính hợp nhất công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh năm 2018 đã kiểm toán bởi công ty kiểm toán AAC được lập ngày 18/03/2019 bao gồm: BCĐKT, BC KQKD, BC LCTT, TM BCTC.

7. Nội dung giải trình: Nội dung điều chỉnh trên BCTC như sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất số 092/2019/BCKT-AAC kết thúc ngày 31/12/2018 được phát hành vào ngày 21/02/2019. Tuy nhiên, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 09/3/2019 của Công ty CP Sách – Thiết bị Vĩnh Long (Công ty con của Công ty) đã yêu cầu Công ty con ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay và tiền thuê đất vào kết quả kinh doanh năm 2018, khắc phục hoàn toàn ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên. Việc điều chỉnh số liệu này làm giảm lợi nhuận của Công ty con và ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty. Do vậy Tổng Giám đốc Công ty quyết định lập lại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018. Các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 bị ảnh hưởng của việc điều chỉnh này như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu	Số liệu	Chênh lệch
		trước điều chỉnh 31/12/2018	31/12/2018 (Sau điều chỉnh)	
Chi phí trả trước dài hạn	261	7.225.118.820	7.099.197.828	(125.920.992)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	54.893.348	-	(54.893.348)
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	480.957.097	460.809.739	(20.147.358)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.411.924.097	10.427.061.253	15.137.156
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	5.242.318.901	5.240.417.700	(1.901.201)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5.169.605.196	5.186.643.553	17.038.357
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	10.780.817.835	10.605.013.697	(175.804.138)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh năm 2018	Số liệu năm 2018 (Sau điều chỉnh)	Chênh lệch
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11.006.988.507	11.132.909.499	125.920.992
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.501.808.711	1.481.661.353	(20.147.358)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(54.893.348)	-	54.893.348
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	5.169.605.196	5.186.643.553	17.038.357
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	980.098.438	802.393.099	(177.705.339)

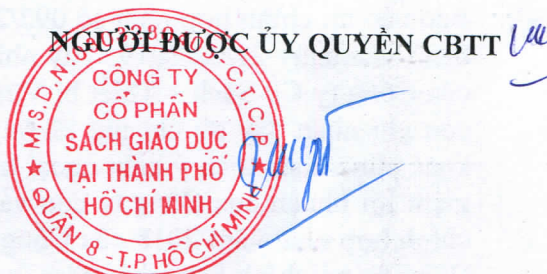
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh năm 2018	Số liệu năm 2018 (Sau điều chỉnh)	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	01	7.596.618.997	7.470.698.005	(125.920.992)
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	867.682.025	993.603.017	125.920.992

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.



PHAN THỊ NAM PHƯƠNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 39

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2018 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028.39540600
- Fax: (84) 028.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến cuối năm tài chính là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 01/04/2017 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2016 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Số: 390/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 22/03/2019, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo kiểm toán này thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 092/2019/BCKT-AAC đã phát hành ngày 21/02/2019. Lý do phát hành lại: Như trình bày tại Thuyết minh số 38, Công ty con của Công ty đã điều chỉnh lại Báo cáo tài chính năm 2018 nhằm khắc phục ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên; Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được Công ty lập lại vào ngày 22/03/2019 để phản ánh đầy đủ các điều chỉnh trên Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty con.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.981.003.573	76.926.793.456
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	26.368.087.434	24.154.060.855
1. Tiền	111		7.940.071.310	7.398.060.855
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.428.016.124	16.756.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.185.530.423	9.537.821.875
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	5.531.249.092	9.112.705.975
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(345.718.669)	(74.884.100)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	-	500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.965.169.223	22.986.001.652
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	22.883.086.917	20.563.343.932
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	4.205.371.337	3.549.696.605
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.107.783.145	977.559.457
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(2.231.072.176)	(2.104.598.342)
IV. Hàng tồn kho	140	12	21.305.783.799	20.110.340.206
1. Hàng tồn kho	141		23.818.544.514	22.813.368.787
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.512.760.715)	(2.703.028.581)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		156.432.694	138.568.868
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	53.642.842	30.914.496
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	102.789.852	107.654.372
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			23.554.087.977	24.413.277.494
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.445.270.258	13.242.724.253
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	6.977.113.386	6.774.567.381
- Nguyên giá	222		15.213.045.082	14.274.690.414
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.235.931.696)	(7.500.123.033)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.545.856.872	6.545.856.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(77.700.000)	(77.700.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		287.846.100	6.583.355.900
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	287.846.100	6.583.355.900
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.780.085.001	1.970.365.454
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(219.914.999)	(29.634.546)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.040.886.618	2.616.831.887
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	7.099.197.828	1.543.269.736
2. Lợi thế thương mại	269		941.688.790	1.073.562.151
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		102.535.091.550	101.340.070.950

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. Nợ phải trả	300		33.365.254.545	31.794.210.836
I. Nợ ngắn hạn	310		32.870.754.545	31.421.710.836
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	17.872.358.569	19.143.308.726
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	4.941.511.432	4.413.597.977
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	14	460.809.739	288.038.564
4. Phải trả người lao động	314		5.080.220.667	3.971.786.718
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	4.084.162.864	3.299.810.517
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	559.273.036	432.750.096
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	112.500.000	112.500.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(240.081.762)	(240.081.762)
II Nợ dài hạn	330		494.500.000	372.500.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	472.000.000	260.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	22.500.000	112.500.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		69.169.837.005	69.545.860.114
I. Vốn chủ sở hữu	410		69.169.837.005	69.545.860.114
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	2.231.928.660	2.228.569.586
3. Cổ phiếu quỹ	415	23	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	5.215.707.299	5.124.109.429
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	10.427.061.253	9.344.823.773
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.240.417.700	4.591.095.494
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.186.643.553	4.753.728.279
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		10.605.013.697	12.158.231.230
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		102.535.091.550	101.340.070.950



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	24	188.766.664.381	186.441.249.785
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	3.625.771.399	2.910.256.321
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		185.140.892.982	183.530.993.464
4. Giá vốn hàng bán	11	26	153.507.093.412	156.015.054.442
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		31.633.799.570	27.515.939.022
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1.600.350.823	2.243.166.224
7. Chi phí tài chính	22	28	608.097.288	479.006.444
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	113.026.266	45.018.818
9. Chi phí bán hàng	25	29.a	14.000.867.636	11.570.504.831
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	11.132.909.499	10.721.393.257
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.492.275.970	6.988.200.714
12. Thu nhập khác	31	30	105.340.571	137.746.379
13. Chi phí khác	32	31	126.918.536	156.063.117
14. Lợi nhuận khác	40		(21.577.965)	(18.316.738)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.470.698.005	6.969.883.976
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	1.481.661.353	1.253.485.747
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.989.036.652	5.716.398.229
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		5.186.643.553	4.783.967.014
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		802.393.099	932.431.215
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.283	1.173
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	1.283	1.173



Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.470.698.005	6.969.883.976
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	993.603.017	874.963.176
- Các khoản dự phòng	03	397.320.990	(197.403.271)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.155.709.403)	(1.316.042.749)
- Chi phí lãi vay	06	113.026.266	45.018.818
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	7.818.938.875	6.376.419.950
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.863.015.904)	(5.611.936.290)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.005.175.727)	(2.239.444.986)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.313.252.514	6.647.320.097
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	591.472.370	(191.810.724)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	3.581.456.883	(6.793.177.769)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(112.041.890)	(45.018.818)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.413.999.330)	(923.496.887)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(37.846.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.873.041.791	(2.781.145.427)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(938.894.668)	(6.295.509.800)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	10.092.018.618
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(150.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	462.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.196.333.218	1.800.579.807
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	737.438.550	5.909.088.625
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(1.437.440.000)	(162.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	23.213.116.618	12.600.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.303.116.618)	(13.017.500.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.869.013.762)	(3.983.580.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.396.453.762)	(4.563.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.214.026.579	(1.435.136.802)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.154.060.855	25.589.197.657
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	26.368.087.434	24.154.060.855



Tổng Giám đốc
Nguyễn Tuấn Kiệt
Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có 2 công ty con:

- Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long

Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 53,77%

- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 55,99%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	4

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản vay, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%. Đối với lĩnh vực xuất bản: áp dụng thuế suất 10%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	500.744.197	659.127.568
Tiền gửi ngân hàng	7.439.327.113	6.738.933.287
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	18.428.016.124	16.756.000.000
Cộng	26.368.087.434	24.154.060.855

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	5.531.249.092	7.228.504.180	345.718.669	9.112.705.975	9.461.783.000	74.884.100
+ Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	3.044.031.947	4.467.430.000	-	3.350.620.280	3.535.720.000	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.578	103.000	-	3.201.944.701	3.383.601.000	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	303.271.470	905.580.000	-	303.458.970	271.440.000	32.018.970
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	18.900.000	17.465.340	36.365.340	34.800.000	1.565.340
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	797.160.000	195.701.234	992.861.234	1.033.680.000	-
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	954.277.275	825.931.180	128.346.095	1.108.541.790	1.067.242.000	41.299.790
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	155.640.248	172.900.000	-	118.913.660	135.300.000	-
+ Công ty CP Cao Su Sao Vàng (SRC)	44.706.000	40.500.000	4.206.000			
Cộng	5.531.249.092	7.228.504.180	345.718.669	9.112.705.975	9.461.783.000	74.884.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Biến động trong năm

	Tăng trong năm		Giảm trong năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	89.927	557.316.367	406.940	4.138.773.250
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	18.200	247.594.870	11.000	210.868.282
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	-	-	335.000	3.201.849.123
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	68.727	264.640.497	60.940	418.905.012
+ Công ty CP Cao Su Sao Vàng (SRC)	3.000	45.081.000	-	375.000
+ Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	-	-	-	306.588.333
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	-	-	-	187.500
Cộng	89.927	557.316.367	406.940	4.138.773.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	31/12/2018		01/01/2018				
				Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng			
Đầu tư vào đơn vị khác				2.000.000.000	219.914.999	2.000.000.000	29.634.546			
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - TBGD Việt Nam	Đang hoạt động	1,84%	1,84%	200.000	2.000.000.000	219.914.999	1,84%	1,84%	2.000.000.000	29.634.546
Cộng				2.000.000.000	219.914.999	2.000.000.000	29.634.546			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	-	500.000.000
Cộng	-	500.000.000

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH SX-TM Thiết bị Vạn Lợi	1.215.000.000	1.215.000.000
Nhà sách Hoàng Sơn	-	48.934.688
Công ty TNHH MTV Sách và TB Trường học Đăk Nông	3.092.531.960	1.472.591.754
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	103.582.948	401.672.182
Các đối tượng khác	18.471.972.009	17.425.145.308
Cộng	22.883.086.917	20.563.343.932

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục tại Đà Nẵng	-	216.198.200
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	28.603.301	18.299.261
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	51.879.313	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	151.537.229	212.377.673
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	103.582.948	401.672.182
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	77.395.592	213.835.082
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	299.749.758	221.679.013
Cộng	712.748.141	1.284.061.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	1.093.883.915	33.555.763
Công ty TNHH In và Thương mại Vĩnh Thành	2.735.564.106	2.930.272.297
Công ty CP ĐT và PT trường phổ thông CN Giáo dục	-	97.569.680
Các đối tượng khác	375.923.316	488.298.865
Cộng	4.205.371.337	3.549.696.605

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	34.860.555	-	75.484.370	-
Tạm ứng	628.583.065	-	601.716.207	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	413.420.085	-	269.439.440	-
Phải thu khác	30.919.440	29.000.000	30.919.440	29.000.000
Cộng	1.107.783.145	29.000.000	977.559.457	29.000.000

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	2.134.667.173	1.254.098.342
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	42.122.000	850.500.000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	44.489.578	-
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	9.793.425	-
Cộng	2.231.072.176	2.104.598.342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	201.384.815	-	14.911.580	-
Nguyên liệu, vật liệu	30.216.139	-	35.100.256	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.163.246.162	-	1.405.845.437	-
Thành phẩm	9.022.011.251	2.432.647.426	9.337.552.640	2.554.516.194
Hàng hóa	13.401.686.147	80.113.289	12.019.958.874	148.512.387
Cộng	23.818.544.514	2.512.760.715	22.813.368.787	2.703.028.581

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2018 là 3.532.641.538 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2018.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	15.292.873	4.590.000
Chi phí sửa chữa cửa hàng	10.567.085	7.416.000
Chi phí sửa chữa	5.149.345	-
Chi phí bảo hiểm	22.633.539	18.908.496
Cộng	53.642.842	30.914.496

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	38.492.180	39.736.085
Trợ cấp thôi việc	-	37.353.000
Chi phí tổ chức bán thảo	686.553.493	1.219.586.862
Chi phí thi công sửa chữa	145.338.564	246.593.789
Tiền thuê đất trả trước dài hạn (*)	6.170.128.808	-
Chi phí sửa chữa	58.684.783	-
Cộng	7.099.197.828	1.543.269.736

(*) Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long thuê đất của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thuê đất số 02 ngày 15/01/2018. Thời gian thuê 50 năm kể từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2067, diện tích đất được cho thuê là 611,2 m² thuộc thửa 372, tờ bản đồ 16 tại phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long. Công ty đã thanh toán tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê là 50 năm. Mục đích sử dụng đất thuê: Sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	107.515.412	80.107.669	616.880.642	537.120.134	102.789.852	155.142.617
Thuế TNDN	-	164.880.378	1.481.661.353	1.413.999.330	-	232.542.400
Thuế TCNC	-	43.050.517	383.905.991	353.831.786	-	73.124.722
Tiền thuê nhà, thuê đất	-	-	168.204.308	168.204.308	-	-
Các loại thuế khác	138.960	-	15.138.960	15.000.000	-	-
Cộng	107.654.372	288.038.564	2.665.791.254	2.488.155.558	102.789.852	460.809.739

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.873.291.886	90.782.720	3.033.101.520	119.809.800	157.704.488	14.274.690.414
Mua sắm trong năm	-	-	938.354.668	-	-	938.354.668
Số cuối năm	10.873.291.886	90.782.720	3.971.456.188	119.809.800	157.704.488	15.213.045.082
Khấu hao						
Số đầu năm	4.864.551.588	57.968.911	2.369.083.961	119.809.800	88.708.773	7.500.123.033
Khấu hao trong năm	441.614.528	32.189.460	222.578.554	-	39.426.122	735.808.664
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	5.306.166.116	90.158.371	2.591.662.515	119.809.800	128.134.895	8.235.931.696
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.008.740.298	32.813.809	664.017.559	-	68.995.715	6.774.567.381
Số cuối năm	5.567.125.770	624.349	1.379.793.673	-	29.569.593	6.977.113.386

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 3.702.888.188 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm nợ vay tại ngày 31/12/2018 là 625.719.542 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Khấu hao			
Số đầu năm	-	77.700.000	77.700.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	77.700.000	77.700.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.468.156.872	-	6.468.156.872
Số cuối năm	6.468.156.872	-	6.468.156.872

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m². Mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 77.700.000 đồng.

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
Quyền sử dụng đất có thời hạn	-	6.295.509.800
Dự án siêu thị sách (*)	287.846.100	287.846.100
Cộng	287.846.100	6.583.355.900

(*) Đây là các chi phí khảo sát, thiết kế, lập dự án Siêu thị sách. Tuy nhiên, dự án này chưa triển khai xây dựng do chưa giải phóng được mặt bằng.

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.607.105.919	1.374.728.719
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	4.140.489.147	7.152.218.236
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	-	631.979.991
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	2.118.611.956	48.955.680
Trương Kim Oanh	-	867.000.000
Ngô Ngọc Nhị (Lâm Đồng)	-	694.125.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	82.388.633	334.781.263
Các đối tượng khác	9.923.762.914	8.039.519.837
Cộng	17.872.358.569	19.143.308.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	2.118.611.956	48.955.680
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	3.780.000	-
Công ty CP Sách Dân Tộc	260.929.538	238.890.113
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	339.416.728	296.859.900
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	41.388.732	95.233.172
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	82.388.633	334.781.263
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	45.903.974	70.996.147
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	241.627.593	267.596.516
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.607.105.919	1.477.652.719
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	46.022.000	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	25.347.998	44.400.872
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	290.085.580	346.938.444
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	-	315.502.520
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	-	839.820
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	684.382.808	551.048.964
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	789.978.271	631.451.144
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	5.035.742.817	7.255.142.236
Các đối tượng khác	141.142.259	131.531.869
Cộng	11.753.854.806	12.107.821.379

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Long Khánh	1.115.948.770	1.143.979.000
Phòng Giáo dục và Đào tạo Xuân Lộc	853.173.133	825.167.121
Phòng Giáo dục và Đào tạo Định Quán	544.985.647	519.693.613
Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Long Thành	-	447.729.620
Các đối tượng khác	2.427.403.882	1.477.028.623
Cộng	4.941.511.432	4.413.597.977

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí bản thảo, biên tập	2.135.873.852	2.128.952.232
Chi phí hoa hồng môi giới	1.752.589.636	928.246.062
Chi phí phải trả về tiền chiết khấu bán hàng	40.000.000	85.829.223
Chi phí tiền vận chuyển	89.715.000	91.783.000
Chi phí phải trả lãi vay	984.376	-
Chi phí khác	65.000.000	65.000.000
Cộng	4.084.162.864	3.299.810.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Phải trả ngắn hạn khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	-	4.021.100
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	11.176.634	526.895
Cổ tức phải trả	2.963.500	2.203.500
Tài sản thừa chờ xử lý	18.135.720	18.135.720
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.000.000	78.000.000
Thù lao trả cho HĐQT	80.000.000	34.300.000
Phải trả khác	403.997.182	295.562.881
Cộng	559.273.036	432.750.096

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	472.000.000	260.000.000
Cộng	472.000.000	260.000.000

22. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	-	23.213.116.618	23.213.116.618	-
- NH TMCP Công thương - CN Đồng Nai		7.000.000.000	7.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long		16.213.116.618	16.213.116.618	
Vay dài hạn đến hạn trả	112.500.000	90.000.000	90.000.000	112.500.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	112.500.000	90.000.000	90.000.000	112.500.000
Cộng	112.500.000	23.303.116.618	23.303.116.618	112.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	202.500.000	-	90.000.000	112.500.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	202.500.000	-	90.000.000	112.500.000
Cộng	202.500.000	-	90.000.000	112.500.000
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	90.000.000			90.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	112.500.000			22.500.000

Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng tín dụng số 04/2015-HĐTĐHM/NHCT800-CTCP SACH THIET BI VINH LONG ngày 01/04/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ Ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 450.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Vĩnh Long; Hạng mục: Xây dựng mới nhà làm việc.

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2017	41.370.000.000	2.228.186.395	(679.873.904)	5.088.022.015	8.249.419.972
Điều chỉnh hợp nhất		383.191	-	5.529.518	853.840
Tăng trong năm	-	-	-	30.557.896	4.783.967.014
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.689.417.053
Số dư tại 31/12/2017	41.370.000.000	2.228.569.586	(679.873.904)	5.124.109.429	9.344.823.773
Số dư tại 01/01/2018	41.370.000.000	2.228.569.586	(679.873.904)	5.124.109.429	9.344.823.773
Điều chỉnh hợp nhất	-	3.359.074	-	47.310.135	3.040.334
Tăng trong năm	-	-	-	44.287.735	5.186.643.553
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.107.446.407
Số dư tại 31/12/2018	41.370.000.000	2.231.928.660	(679.873.904)	5.215.707.299	10.427.061.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	9.344.823.773	8.249.419.972
Lợi nhuận sau thuế năm nay	5.186.643.553	4.783.967.014
Điều chỉnh do hợp nhất	3.040.334	853.840
Phân phối lợi nhuận năm trước	4.107.446.407	3.659.178.318
- Trích quỹ đầu tư phát triển	44.287.735	20.478.318
- Thù lao cho HĐQT, Ban KS	20.158.672	-
- Trả cổ tức cho các cổ đông (*)	4.043.000.000	3.638.700.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	30.238.735
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	10.079.578
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	20.159.157
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	10.427.061.253	9.344.823.773

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 92/NQ-SGD ngày 23/03/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	111.766.086.029	102.193.159.758
Doanh thu bán hàng hóa	75.453.413.838	72.757.822.467
Doanh thu dịch vụ	1.456.363.639	1.264.545.457
Doanh thu bán Bất động sản đầu tư	-	10.100.000.000
Doanh thu khác	90.800.875	125.722.103
Cộng	188.766.664.381	186.441.249.785

25. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018	Năm 2017
Hàng bán bị trả lại	1.111.720.709	193.702.948
Chiết khấu thương mại	2.514.050.690	2.716.553.373
	3.625.771.399	2.910.256.321

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	89.676.734.807	84.147.010.159
Giá vốn của hàng hóa	63.886.385.215	61.535.015.885
Giá vốn hoạt động khác	134.241.256	167.644.646
Giá vốn Bất động sản đầu tư thanh lý	-	10.214.024.780
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(190.267.866)	(48.641.028)
Cộng	153.507.093.412	156.015.054.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	967.445.236	1.429.501.279
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	49.664.167	219.966.250
Chiết khấu thanh toán nhanh	264.240.201	305.254.061
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	180.401.219	129.844.634
Tiền lãi từ hợp tác kinh doanh	138.600.000	158.600.000
Cộng	1.600.350.823	2.243.166.224

28. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Chiết khấu thanh toán	33.956.000	70.369.000
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	461.115.022	(14.381.374)
Chi phí lãi vay	113.026.266	45.018.818
Lỗ từ bán khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	378.000.000
Cộng	608.097.288	479.006.444

29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền lương, các khoản trích theo lương	7.154.719.091	6.994.387.346
Chi phí vận chuyển	1.670.779.302	1.804.043.300
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	2.110.132.783	672.123.771
Các khoản khác	3.065.236.460	2.099.950.414
Cộng	14.000.867.636	11.570.504.831

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền lương	5.660.483.463	5.210.372.180
Khấu hao TSCĐ	132.207.876	124.447.683
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	464.119.204	666.810.002
Các khoản khác	4.876.098.956	4.719.763.392
Cộng	11.132.909.499	10.721.393.257

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	-	117.705.918
Thu nhập khác	105.340.571	20.040.461
Cộng	105.340.571	137.746.379

31. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí từ cho thuê mặt bằng	-	101.786.407
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	23.142.417	21.215.270
Các khoản khác	103.776.119	33.061.440
Cộng	126.918.536	156.063.117

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.470.698.005	6.969.883.976
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	595.966.944	92.717.636
- Các khoản điều chỉnh tăng	645.631.111	312.683.886
+ Chi phí lãi vay không được trừ theo NĐ20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017	381.472.083	-
+ Lợi thế thương mại phân bổ	131.873.361	131.873.361
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	23.142.417	-
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	96.000.000	92.500.000
+ Các khoản khác	13.143.250	88.310.525
- Các khoản điều chỉnh giảm	49.664.167	219.966.250
+ Cổ tức được chia	49.664.167	219.966.250
Tổng thu nhập chịu thuế	8.066.664.949	7.062.601.612
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.481.661.353	1.253.485.747
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	1.439.976.147	1.246.444.547
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	41.685.206	7.041.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.186.643.553	4.783.967.014
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	(40.317.829)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT và BKS)	-	40.317.829
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	5.186.643.553	4.743.649.185
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.043.000	4.043.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	1.283	1.173

34. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.594.668.740	7.996.493.538
Chi phí nhân công	12.815.202.554	11.785.675.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	735.808.664	743.089.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.332.992.990	10.262.533.027
Chi phí khác bằng tiền	6.290.661.939	6.362.987.414
Cộng	36.769.334.887	37.150.779.244

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

36. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học... , các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	17.872.358.569	-	17.872.358.569
Chi phí phải trả	4.084.162.864	-	4.084.162.864
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	112.500.000	22.500.000	135.000.000
Phải trả khác	529.960.682	472.000.000	1.001.960.682
Cộng	22.598.982.115	494.500.000	23.093.482.115
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	19.143.308.726	-	19.143.308.726
Chi phí phải trả	3.299.810.517	-	3.299.810.517
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	112.500.000	112.500.000	225.000.000
Phải trả khác	410.066.381	260.000.000	670.066.381
Cộng	22.965.685.624	372.500.000	23.338.185.624

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	26.368.087.434	-	26.368.087.434
Phải thu khách hàng	20.681.014.741	-	20.681.014.741
Đầu tư tài chính	5.185.530.423	1.780.085.001	6.965.615.424
Phải thu khác	450.200.080	-	450.200.080
Cộng	52.684.832.678	1.780.085.001	54.464.917.679
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	24.154.060.855	-	24.154.060.855
Phải thu khách hàng	18.487.745.590	-	18.487.745.590
Đầu tư tài chính	9.537.821.875	1.970.365.454	11.508.187.329
Phải thu khác	346.843.250	-	346.843.250
Cộng	52.526.471.570	1.970.365.454	54.496.837.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
CN Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Năm 2018	Năm 2017
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sách Đại Học Dạy nghề	12.600.000	18.795.520
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	9.403.645.252	8.744.578.943
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	587.983.253	275.084.000
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	140.147.810	51.696.668
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	1.194.109.108	463.716.770
CN Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	-	7.573.139
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	30.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	675.292.580	694.954.020
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	559.426.860	162.831.734
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	43.214.800	19.370.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	2.280.800.500	2.463.440.890
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	2.732.954.040	3.664.350.850
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	151.032.000	182.200.900
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	616.010.054	757.025.860
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	333.151.035	452.724.145
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	661.326.481	953.601.397
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	3.263.828.837	2.663.901.901
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	875.232.336	594.421.841
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	-	463.716.770
Mua hàng		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	9.952.322.230	3.566.745.440
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	38.179.100	27.964.750
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	17.031.960	-
Công ty CP Sách Dân Tộc	22.039.425	964.029.500
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	376.318.340	481.146.030
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	295.638.560	749.507.800
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	731.607.370	1.793.102.036
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	12.069.823.529	27.084.631.422
Công ty CP Đầu Tư và Xuất bản Giáo dục	-	44.712.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	46.022.000	58.885.800
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	24.031.077	286.504.872
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.586.863.700	2.984.991.202
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	2.014.464.897	627.004.318
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	845.813.544	1.474.442.136
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	901.597.000	908.485.160
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	1.165.316.380	1.327.118.310
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	12.703.450.353	12.704.776.510
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	1.537.054.798	26.987.053.230
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	3.579.694.940	3.518.052.210
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	27.000.505.711	24.752.917.490
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	491.610.390	39.039.000
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	-	84.142.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch khác

		Năm 2018	Năm 2017
Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	612.616.000	548.641.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	183.600.000	162.600.000

38. Điều chỉnh số liệu so với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 lập ngày 21/2/2019

Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 vào ngày 21/02/2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được công bố cùng ngày. Tuy nhiên, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 09/03/2019 của Công ty CP Sách – Thiết bị Vĩnh Long (Công ty con của Công ty) đã yêu cầu Công ty con ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay và tiền thuê đất vào kết quả kinh doanh năm 2018, khắc phục hoàn toàn ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên. Việc điều chỉnh số liệu này làm giảm lợi nhuận của Công ty con và ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty. Do vậy Tổng Giám đốc Công ty quyết định lập lại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018. Các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 bị ảnh hưởng của việc điều chỉnh này như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh 31/12/2018	Số liệu 31/12/2018 (Sau điều chỉnh)	Chênh lệch
Chi phí trả trước dài hạn	261	7.225.118.820	7.099.197.828	(125.920.992)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	54.893.348	-	(54.893.348)
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	480.957.097	460.809.739	(20.147.358)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.411.924.097	10.427.061.253	15.137.156
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	5.242.318.901	5.240.417.700	(1.901.201)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5.169.605.196	5.186.643.553	17.038.357
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	10.780.817.835	10.605.013.697	(175.804.138)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh năm 2018	Số liệu năm 2018 (Sau điều chỉnh)	Chênh lệch
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11.006.988.507	11.132.909.499	125.920.992
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.501.808.711	1.481.661.353	(20.147.358)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(54.893.348)	-	54.893.348
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	5.169.605.196	5.186.643.553	17.038.357
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	980.098.438	802.393.099	(177.705.339)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh năm 2018	Số liệu năm 2018 (Sau điều chỉnh)	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	01	7.596.618.997	7.470.698.005	(125.920.992)
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	867.682.025	993.603.017	125.920.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

40. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc
Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

